

PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN VAY CỦA HỘ GIA ĐÌNH TỪ NGUỒN VỐN PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Thị Thanh Nguyên¹, Lê Ngọc Hiền², Diệp Thanh Tùng³

ANALYSIS OF FACTORS AFFECTING THE EFFICIENCY OF HOUSEHOLDS LOANS USING FROM ECONOMIC DEVELOPMENT CAPITAL OF THE WOMEN'S UNION OF DUYEN HAI DISTRICT, TRA VINH PROVINCE

Nguyen Thi Thanh Nguyen¹, Le Ngoc Hien², Diep Thanh Tung³

Tóm tắt – Hiện nay, phụ nữ ngày càng được quan tâm và giúp đỡ trong sản xuất và kinh doanh. Họ đã được hỗ trợ cho vay vốn, tạo điều kiện phát triển từ Hội Liên hiệp Phụ nữ, nguồn vốn của Ngân hàng Chính sách Xã hội. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng nhu cầu sử dụng và hiệu quả sử dụng nguồn vốn ở huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô hình hồi quy đa biến phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay từ Hội Liên hiệp Phụ nữ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bốn yếu tố có mối tương quan tỉ lệ thuận với hiệu quả sử dụng vốn vay: tuổi, trình độ học vấn, diện tích đất, lượng vốn vay và ba yếu tố: số lao động, nguồn thu nhập chính, mục đích vay vốn có tương quan tỉ lệ nghịch đến hiệu quả sử dụng vốn vay. Bên cạnh đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp giúp các hộ gia đình sử dụng được nguồn vốn hiệu quả và cuộc sống được nâng cao hơn.

Từ khóa: Hội Liên hiệp Phụ nữ, lượng vốn vay, mô hình hồi quy đa biến, tỉnh Trà Vinh.

Abstract – Nowadays, women receive a lot of attention and assistance in production and business. They have been support with loans from

the Women's Union, capital from Vietnam Bank for Social Policies to facilitate family economic development. This study aims to assess the current situation of demand and efficiency of loan using in Duyen Hai District, Tra Vinh Province. In this study, the method of Multivariable Regression model was used to analyze the factors affecting the efficiency of using such loans. Research results shown that there are four factors that have positive correlation with loans using efficiency, including age, education level, land area, loan amount. On the contrary, three factors including the number of employees, the main source of income, and the purpose of loan are negatively related to the efficiency of using loans. In addition, the study proposes some solutions to help households in using capital more efficiently and enhancing their standard of lives.

Keywords: loan sources, multivariate regression model, Tra Vinh Province, Women's Union.

I. GIỚI THIỆU

Trà Vinh là một tỉnh ven biển thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn từ 2016 – 2020 đạt khá cao so với các khu vực khác của cả nước nói chung và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng. Mức tăng trưởng GRDP bình quân là 11,22%, trong đó, khu vực nông, lâm, thủy sản tăng 1,43%, công nghiệp – xây dựng tăng 34,03%, khu vực dịch vụ tăng 6,78%. Bên cạnh đó, tỉnh còn tập trung vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng để phát triển kinh tế biển nhằm trở thành vùng kinh tế trọng

^{1,2,3}Khoa Kinh tế, Luật, Trường Đại học Trà Vinh

Ngày nhận bài: 08/01/2021; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 26/01/2021; Ngày chấp nhận đăng: 05/02/2021

Email: dttung@tvu.edu.vn

^{1,2,3}School of Economics, Law, Tra Vinh University

Received date: 08th January 2021; Revised date: 26th January 2021; Accepted date: 05th February 2021

điểm của Đồng bằng sông Cửu Long [1]. Tuy nhiên, tỉnh còn phải đối mặt với nhiều khó khăn như biến đổi khí hậu, thiên tai, bão lụt, hạn hán, tình trạng xâm nhập mặn. Đặc biệt là dịch bệnh, từ dịch tả lợn châu Phi cho đến dịch Covid-19. Những yếu tố này đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế, khiến nền kinh tế của tỉnh trở nên trì trệ hơn. Một trong những yếu tố gây ảnh hưởng đó là tỉnh có xuất phát điểm kinh tế thấp, một số huyện vẫn còn tình trạng hộ nghèo cao và phụ nữ chưa được hỗ trợ nguồn vốn và kiến thức để tạo ra thu nhập. Vì vậy, để đổi mới diện mạo cho tỉnh và nâng cao cuộc sống người dân, các cấp lãnh đạo và các ban ngành tỉnh đã tuyên truyền kết hợp với người dân thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đảng bộ đã chú trọng vấn đề “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội” tác động mạnh mẽ, làm chuyển biến nhận thức của chính quyền địa phương đối với hoạt động tín dụng chính sách. Đặc biệt, Đảng bộ và lãnh đạo tỉnh nhận thấy tiềm năng phát triển các mô hình kinh tế của hội phụ nữ góp phần vào GRDP của tỉnh. Ngân hàng Chính sách Xã hội (NHCSXH) đã và đang hỗ trợ cho các thành viên trong hội phụ nữ các địa phương của tỉnh nguồn vốn kinh doanh buôn bán, trồng trọt hay nuôi trồng. Trong các huyện, Duyên Hải là huyện có khả năng phát triển kinh tế nhanh với nhiều lợi thế. Vì là một huyện đảo có lợi thế dựa về kinh tế biển, diện tích đất nông nghiệp lớn, mua bán giao thương các hàng hóa từ biển cả. Tuy nhiên, huyện còn 767 hộ nghèo, chiếm tỉ lệ 3,69% so với tổng số hộ toàn huyện và đồng bào dân tộc Khmer chiếm tỉ lệ cao [2]. Để tận dụng lợi thế sẵn có và khắc phục khó khăn, Đảng bộ và lãnh đạo địa phương phối hợp với NHCSXH, hỗ trợ phụ nữ có tham gia trong hội phụ nữ về nguồn vốn và phổ cập kiến thức giúp các thành viên sử dụng nguồn vốn để kiếm thêm thu nhập và nâng cao mức sống của hộ gia đình và góp phần vào phát triển kinh tế chung cho tỉnh. Song song đó, việc cho vay vốn là một vấn đề tương đối phức tạp, các hội viên có thực hiện đúng mục đích vay vốn của chương trình này không? Nguồn vốn có được sử dụng hiệu quả như kế hoạch đã đề ra? Vì vậy, nghiên cứu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay từ Hội Liên hiệp Phụ nữ

(HLHPN) là cần thiết để tìm các vấn đề và giải pháp để giúp phụ nữ phát triển kinh tế được tốt hơn.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Hiện nay, vấn đề hỗ trợ vay vốn tín dụng được nhiều nghiên cứu đề cập. Bùi Văn Trịnh [3] sử dụng phương pháp phân tích nhân tố, hồi quy đa biến với biến phụ thuộc trong mô hình là phần thu nhập từ vốn vay của hộ nghèo. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hiệu quả sử dụng vốn vay của hộ nghèo phụ thuộc vào các yếu tố: lượng vốn vay, kì hạn, lãi suất, rủi ro, hướng dẫn sau khi vay, diện tích đất, tỉ trọng vốn sử dụng cho sản xuất và số lao động. Trong đó, năm yếu tố có mối tương quan thuận là: lượng vốn vay, hướng dẫn sau khi vay, diện tích đất, tỉ trọng vốn sử dụng cho sản xuất và số lao động. Ngược lại, các yếu tố: kì hạn, lãi suất và rủi ro có mối tương quan nghịch với hiệu quả sử dụng vốn vay của hộ nghèo.

Nguyễn Thị Xuân Hương [4] đã sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh, phân tích tỉ trọng, tốc độ phát triển. Tác giả sử dụng hàm hồi quy tuyến tính đa biến để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn vay của hộ nghèo. Kết quả nghiên cứu cho thấy, năm nhóm yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn tín dụng hộ nghèo, gồm: (1) lượng vốn vay, (2) tỉ lệ vốn sử dụng vào sản xuất; (3) diện tích đất; (4) hướng dẫn sử dụng vốn vay; (5) kì hạn vay vốn. Nghiên cứu đưa ra năm nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả chương trình cho vay hộ nghèo của NHCSXH quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Mai Văn Nam [5] đã áp dụng phương pháp thống kê mô tả, so sánh và kiểm định thống kê nhằm đánh giá tác động của đồng vốn vay tới nông hộ. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng phương pháp phân tích hồi quy nhằm đánh giá yếu tố ảnh hưởng tới thu nhập từ vốn vay của nông hộ. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, tổng lượng vốn vay, hướng dẫn sau khi vay vốn, trình độ học vấn, tỉ trọng vốn sử dụng cho sản xuất có tác động thuận chiều lên hiệu quả sử dụng vốn vay, ngược lại các nhân tố như kì hạn vay, số lao động, rủi ro trong quá trình vay vốn, giới tính tác động theo chiều nghịch. Kết quả phân tích cho thấy, hộ vay vốn có khả năng thoát nghèo cao hơn hộ không vay.

Nguyễn Thị Mộng Cẩm [6] nghiên cứu dự án vi tín dụng đến thu nhập của các hộ dân nghèo. Đề tài sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp các hộ vay vốn và cán bộ quản lý dự án. Kết quả cho thấy, đa số các hộ được dự án hỗ trợ là hộ có điều kiện kinh tế khó khăn (chiếm 70%), hộ cận nghèo 20%, hộ nghèo 10%. Các hộ chủ yếu sản xuất theo kinh nghiệm là chính. Mục đích vay vốn của hầu hết các hộ là chăn nuôi, trồng trọt và buôn bán nhỏ. Tỷ lệ đóng góp vốn vay vào chi phí sản xuất từ 25 đến 107%, lợi nhuận mang lại từ vốn vay chiếm từ 17% đến 91%. Mô hình chăn nuôi bò phát huy hiệu quả vốn vay tốt hơn đối với hai mô hình sản xuất kinh doanh trồng màu và buôn bán.

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Thảo [7] tập trung vào đánh giá hiệu quả của đồng vốn vay trên các mặt xã hội cũng như kinh tế. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu này đã được thu thập từ cuộc điều tra trực tiếp với 120 hộ ở huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh vào tháng 12/2016. Tác giả áp dụng phương pháp hồi quy đa biến được sử dụng để đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn. Bên cạnh đó, phương pháp thống kê mô tả cũng được sử dụng để mô tả đặc điểm của các hộ vay vốn cũng như đặc điểm của khoản vay. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hiệu quả sử dụng vốn vay của các hộ phụ thuộc vào các yếu tố: lượng vốn vay, trình độ học vấn, số lao động, diện tích đất, việc sử dụng vốn đúng mục đích có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả sử dụng vốn vay. Ngược lại, yếu tố rủi ro có mối tương quan nghịch với hiệu quả sử dụng vốn vay của hộ.

Nghiên cứu của Masood Moahid [8] cho thấy, các hộ gia đình nhận được tín dụng cho các hoạt động nông nghiệp của họ từ nhiều nguồn chính thức và không chính thức khác nhau. Tác giả nghiên cứu áp dụng mô hình rào cản kép và mô hình Probit. Nghiên cứu cho thấy rằng, các hộ gia đình nhận được tín dụng cho các hoạt động nông nghiệp của họ từ nhiều nguồn chính thức và không chính thức khác nhau. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trình độ học vấn, số người trưởng thành trong một hộ gia đình, quy mô đất đai và khả năng tiếp cận khuyến nông. Thu nhập phi nông nghiệp làm giảm khả năng tham gia.

Nghiên cứu của Awunyo-Vitor [9] kiểm tra sự tham gia của phụ nữ vào tín dụng vi mô và

tác động của tín dụng vi mô đến thu nhập kinh doanh. Sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên, tác giả chọn ra 300 nữ doanh nhân tại năm quận khác nhau ở Ghana và sử dụng phương pháp so khớp điểm xu hướng (PSM) để phân tích dữ liệu thu được. Kết quả của PSM cho thấy, phụ nữ điều hành các doanh nghiệp quy mô nhỏ tham gia tín dụng vi mô có thu nhập cao hơn so với phụ nữ không tham gia tín dụng vi mô. Bên cạnh đó, từ kết quả hồi quy Logit, trình độ học vấn, mức độ hài lòng của thủ tục khi đăng kí, thành viên hiệp hội doanh nghiệp, số tiền tiết kiệm từ các tổ chức tài chính vi mô và mức độ hài lòng về lãi suất là những yếu tố ảnh hưởng tích cực đến khả năng tham gia chương trình tín dụng vi mô của phụ nữ.

Ta Nhật Linh [10] áp dụng phương pháp hỗn hợp là tổng quan tài liệu với thu thập dữ liệu thứ cấp và phỏng vấn người cung cấp thông tin chính. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thị trường tín dụng nông thôn ở các nước đang phát triển bao gồm hai thị trường chính thức và phi chính thức, hai thị trường này bổ sung cho nhau. Nhiều yếu tố kinh tế – xã hội như tuổi tác, quy mô gia đình, thu nhập hộ gia đình, trình độ học vấn, giới tính và quy mô sở hữu đất đai có tác động đến khả năng tiếp cận tín dụng của nông dân. Bên cạnh những yếu tố quan sát được, vốn xã hội cũng được coi là yếu tố vô hình ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng của hộ gia đình.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

A. Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu này được thực hiện qua hai bước gồm nghiên cứu sơ bộ định tính và nghiên cứu chính thức định lượng.

Nghiên cứu sơ bộ được thực hiện thông qua phương pháp nghiên cứu định tính bằng số liệu thứ cấp thu thập được từ Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh, Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải và các thông tin trên báo Trà Vinh.

Nghiên cứu chính thức thực hiện bằng phương pháp định lượng với số liệu sơ cấp được thu thập thông qua bảng hỏi thiết kế sẵn, khảo sát các hộ gia đình có thành viên tham gia vào HLHPN và được hỗ trợ vay vốn từ hội này. Phương pháp chọn mẫu là phương pháp chọn mẫu thuận tiện và cỡ mẫu xác định theo Tabachnick and Fidell (1996),

số mẫu tối thiểu là $n = 50 + 8 \cdot m$ (với m là số biến độc lập) [11]. Trong nghiên cứu, tác giả chọn 12 biến độc lập, vậy cỡ mẫu tối thiểu sẽ là $n = 50 + 8 \cdot 12 = 146$. Nhằm dự phòng các trường hợp phiếu khảo sát không đầy đủ thông tin, nghiên cứu này tiến hành khảo sát với số lượng nhiều hơn và thu về 150 phiếu hợp lệ. Phạm vi khảo sát là sáu xã và một thị trấn của huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Bảng 1: Số lượng mẫu khảo sát phân theo tỉ lệ thành viên tham gia

Số thứ tự	Xã/ thị trấn	Số hộ có thành viên tham gia	Số hộ gia đình đại diện
1	Long Thành	547	9
2	Đôn Châu	1.650	28
3	Đôn Xuân	1.565	27
4	Đông Hải	1.045	18
5	Ngũ Lạc	947	16
6	Long Khánh	752	13
7	Long Vĩnh	2.236	39
Tổng		8.742	150

Nội dung khảo sát bao gồm: nhân khẩu học, giới tính, trình độ học vấn, số lượng lao động trong gia đình, nguồn thu nhập; tình hình sử dụng nguồn vốn: mục đích vay vốn, số lượng vốn vay được từ HLHPN, kì hạn vay, thành viên có được hướng dẫn sau khi vay vốn, tỉ lệ phần trăm nguồn vốn sử dụng cho sản xuất.

B. Phương pháp phân tích số liệu

Thông kê mô tả: Dùng mô tả những đặc tính của dữ liệu thu thập được từ nghiên cứu như độ tuổi, giới tính, trình độ văn hóa của chủ hộ, đồng thời thống kê số lượng lao động và tình trạng hộ gia đình.

Mô hình hồi quy tuyến tính: Dùng phương pháp hồi quy đa biến để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn vay, mô hình hồi quy có dạng.

Dạng tổng quát của mô hình hồi quy tuyến tính:

$$Y = \beta_0 + \beta_i X_i + e$$

Trong đó:

β_0 : là hằng số

β_i : là các tham số hồi quy

Y : là biến phụ thuộc thể hiện tính hiệu quả sử dụng nguồn vốn để phát triển kinh tế hộ (lợi nhuận)

X_i : là biến độc lập (biến giải thích) có ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn vay của hộ gia đình.

e : là sai số của mô hình.

IV. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

A. Kết quả thống kê mô tả

Kết quả thống kê cho thấy, trong các hộ gia đình có thành viên tham gia trong HLHPN huyện Duyên Hải, do đa phần nam giới làm chủ hộ gia đình nên người phụ nữ vẫn chưa độc lập hoàn toàn trong việc tạo ra nguồn thu nhập. Bên cạnh đó, trình độ học vấn của người dân ở mức thấp, phần lớn việc tiếp cận con chữ chỉ ở cấp 1 (chiếm 40,7%). Đây cũng là một khó khăn cho người dân trong quá trình tiếp cận nguồn vốn và cách sử dụng nguồn vốn. Các hộ gia đình chủ yếu chỉ có 2 – 3 lao động chính trong gia đình và do là huyện đảo gần biển nên nguồn thu nhập chiếm phần lớn là nông nghiệp. Mặc dù phụ nữ đã được Đảng bộ và lãnh đạo ở huyện, xã quan tâm, hỗ trợ nhưng tình trạng hộ nghèo, cận nghèo vẫn còn khá cao (chiếm tới 10%). Số liệu thống kê đã chỉ ra, phụ nữ còn gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm thêm nguồn thu nhập. Vì thế, nguồn hỗ trợ cho vay từ HLHPN chính là cơ hội cho thành viên phát triển thêm kinh tế gia đình, từ nguồn vốn đó các thành viên có thể sản xuất trồng trọt, chăn nuôi và buôn bán nhỏ. Tuy là lượng vốn hỗ trợ không quá lớn nhưng nó góp phần giúp phụ nữ thêm tinh thần phát triển các mô hình có thể tạo ra thu nhập làm cho cuộc sống của họ trở nên ổn định.

B. Kết quả mô hình hồi quy đa biến

Qua kết quả, mô hình hồi quy đa biến được thể hiện ở Bảng 4 cho thấy giá trị Sig rất nhỏ (Sig = .000) < mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$ nên mô hình có

Bảng 2: Các yếu tố có khả năng ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay

Tên biến	Ý nghĩa của các biến	Đơn vị đo lường	Dấu kì vọng	Lược khảo tài liệu
Tuổi	Số tuổi của chủ hộ	Năm	+/-	Bùi Văn Trinh [3], Ta Nhật Linh [10]
Giới tính chủ hộ	Biến này nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là nam, 0 nếu là nữ		+	Bùi Văn Trinh [3], Ta Nhật Linh [10]
Trình độ học vấn	Học vấn của người đại diện vay, được thể hiện bằng số năm đi học	Lớp	+/-	Bùi Văn Trinh [3], Nguyễn Thị Xuân Hương [4]
Số lao động	Thể hiện số người lao động trong gia đình tạo ra thu nhập	Người	+	Bùi Văn Trinh [3]
Nguồn thu nhập	Biến này nhận giá trị 1 là thu nhập từ nông nghiệp, 0 là phi nông nghiệp		+	Ta Nhật Linh [10]
Diện tích đất	Diện tích đất của hộ đang sử dụng sản xuất kinh doanh	M ²	+	Bùi Văn Trinh [3], Nguyễn Thị Xuân Hương [4]
Tình trạng hộ: Nghèo, cận nghèo (có giấy xác nhận) loại hộ	Biến này nhận giá trị 1 nếu hộ nghèo hoặc cận nghèo, ngược lại là 0		-	Nguyễn Thị Mộng Cẩm [6]
Mục đích vay vốn	Nếu 1 nông nghiệp, 0 nếu phi nông nghiệp		+	Nguyễn Thị Mộng Cẩm [6]
Lượng vốn vay	Tổng số vốn vay mà chủ hộ vay được	Triệu đồng	+	Bùi Văn Trinh [3]
Kì hạn vay	Là khoảng thời gian vay vốn	Tháng	-	Bùi Văn Trinh [3]
Hướng dẫn sau khi vay	Là biến giả nhận giá trị 1 khi hộ được hướng dẫn và giá trị 0 nếu không được hướng dẫn		+	Bùi Văn Trinh [3]
Tỉ lệ sử dụng vốn cho sản xuất	Là biến thể hiện tỉ lệ phần trăm số vốn vay hộ sử dụng cho mục đích chính là sản xuất	%	+	Bùi Văn Trinh [3]

ý nghĩa các biến độc lập về nhân tố ảnh hưởng có tác động đến hiệu quả sử dụng vốn vay tạo ra mối quan hệ lẫn nhau.

Với $R^2 = 0,579$ tức là mô hình các biến độc lập về nhân tố ảnh hưởng giải thích được 57,9% cho biến phụ thuộc (lợi nhuận) và R hiệu chỉnh = 0,542 càng cho thấy mô hình phù hợp. Trong mô hình tác giả đưa ra 12 biến độc lập nhưng sau khi phân tích dữ liệu thì chỉ có 7 biến có ý nghĩa thống kê: Tuổi (X_1), trình độ học vấn (X_3), số lượng lao động (X_4), nguồn thu nhập của hộ gia đình (X_5), diện tích đất dùng cho sản xuất (X_7), mục đích vay vốn (X_8), lượng vốn vay (X_9). Kết quả từ Bảng 5 cho thấy, các biến độc lập VIF < 10 nên mô hình không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

Từ kết quả Bảng 5, ta có phương trình hồi quy: $Y = -22,770 + 0,341X_1 + 0,882X_3 - 3,134X_4 - 14,817X_5 + 1,580X_7 - 19,426X_8 + 1,271X_9 + e_i$

Giải thích ý nghĩa các biến trong phương trình: Biến Tuổi (X_1): có nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 5%, hệ số dương cho thấy tuổi của hộ có tác động tỉ lệ với thuận với lợi nhuận từ nguồn vốn vay được. So với các nghiên cứu trước đây, tuổi càng cao thì càng có kinh nghiệm sản xuất. Điều này giúp việc sử dụng nguồn vốn vay có hiệu quả hơn. Do đặc trưng của huyện, nghề chính của người dân phụ thuộc vào trồng trọt và nuôi trồng thủy sản.

Biến Trình độ học vấn (X_3): có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 10%, cho kết quả hệ số

Bảng 3: Thống kê đặc điểm hộ gia đình

Đặc điểm		Số quan sát	Phần trăm (%)
Giới tính	Nam	91	60,7
	Nữ	59	39,3
Trình độ học vấn	Không biết chữ	9	6,0
	Cấp 1	61	40,7
	Cấp 2	51	34,0
	Cấp 3	24	16,0
	Hệ đại học	5	3,3
Số lao động	1	22	14,7
	2	82	54,7
	3	24	16,0
	4	15	10,0
	5	5	3,3
	6	2	1,3
Nguồn thu nhập	Nông nghiệp	79	52,7
	Phi nông nghiệp	71	47,3
Tình trạng hộ gia đình	Hộ nghèo, cận nghèo	15	10,0
	Không phải hộ nghèo, cận nghèo	135	90,0

(Nguồn: Thống kê từ số liệu khảo sát, 2021)

Bảng 4: Kết quả hồi quy

R	R bình phương	R bình phương hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Thay đổi của Sig. F
0,761 ^a	0,579	0,542	18,752	0,000

(Nguồn: Thống kê từ số liệu khảo sát, 2021)

dương giống với các nghiên cứu trước đây và tỉ lệ thuận với hiệu quả sử dụng vốn vay thông qua lợi nhuận. Kết quả cho thấy, chủ hộ gia đình có trình độ học vấn cao sẽ góp phần vào việc nâng cao hiệu quả sản xuất, điều đó đúng với thực tế. Đa phần người có trình độ sẽ dễ dàng tiếp cận nguồn vốn và biết cách sử dụng nguồn vốn hợp lí so với các hộ khác.

Biến Số lao động (X_4): có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 5%. Kết quả của các nghiên cứu trước cho thấy biến lao động tỉ lệ thuận với hiệu quả sử dụng vốn. Nhưng nghiên cứu này cho ra kết quả hệ số âm tỉ lệ nghịch với đến hiệu quả sử dụng vốn vay. Nếu tăng thêm một lao động thì lợi nhuận giảm 3,134 triệu đồng. Do nguồn vốn còn khá ít, nên hộ có hai đến ba lao động trong gia đình có lợi nhuận từ nguồn vốn vay cũng tương

đương với một lao động.

Bảng 5: Kết quả ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận sản xuất hoặc kinh doanh của hộ

Mô hình	Hệ số B	t	VIF
Hằng số	-22,770	-0,948	
Tuổi (X_1)	0,341	1,992**	1,355
Giới tính (X_2)	2,991	0,820	1,354
Trình độ học vấn (X_3)	0,882	1,819*	1,229
Số lượng lao động (X_4)	-3,134	-1,991**	1,148
Nguồn thu nhập chính (X_5)	-14,817	-	3,703***
Tình trạng hộ (X_6)	-0,493	-0,091	1,135
Diện tích đất (X_7)	1,580	11,038*	**
Mục đích vay vốn (X_8)	-19,426	-	5,053***
Lượng vốn (X_9)	1,271	2,509**	1,274
Kì hạn vay (X_{10})	-439	-0,764	1,148
Hướng dẫn sau khi vay (X_{11})	14,315	1,417	1,129
Tỉ lệ nguồn vốn sử dụng cho sản xuất hoặc kinh doanh (X_{12})	0,249	1,354	1,049

(Nguồn: Thống kê từ số liệu khảo sát, 2021)

Ghi chú: (*): Mức ý nghĩa 10%, (**): Mức ý nghĩa 5%, (***) : Mức ý nghĩa 1%.

Biến Nguồn thu nhập chính (X_5): có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 1%. So với nghiên cứu trước, nguồn thu nhập ảnh hưởng tích cực đến biến phụ thuộc, nhưng trong nghiên cứu này, biến có tương quan nghịch với lợi nhuận. Nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp thì lợi nhuận sẽ giảm xuống đến 14,817 triệu đồng.

Biến Diện tích đất (X_7): có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 1%. Trong các nghiên cứu trước, diện tích có tác động tích cực đến hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay. Trong nghiên cứu này, biến diện tích đất có tỉ lệ thuận với lợi nhuận từ thu nhập của hộ, nguồn vay vốn có hiệu quả khi diện tích càng nhiều thì thu nhập của hộ gia đình càng cao. Do phần lớn diện tích đất ở huyện Duyên Hải là đất nông nghiệp để trồng trọt và nuôi trồng thủy sản vì huyện giáp với biển Đông. Vì thế, diện tích đất ảnh hưởng đến lợi nhuận từ nguồn vốn vay.

Biến Mục đích vay vốn (X_8): có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 1%. Trong các nghiên cứu trước, biến Mục đích vay vốn cho ra kết quả tỉ

lệ thuận với biến phụ thuộc. Trong nghiên cứu này, biến tỉ lệ nghịch đến lợi nhuận dẫn đến vốn vay sử dụng không hiệu quả. Cũng giống như biến Nguồn thu nhập, mục đích vay vốn phục vụ cho sản xuất nông nghiệp tác động đến lợi nhuận giảm 19,426 triệu đồng.

Biến Lượng vốn vay (X_9): có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 5%, biến này tỉ lệ thuận với lợi nhuận từ nguồn vốn vay và cho ra kết quả giống các nghiên cứu trước đây, lượng vốn tác động tích cực đến hiệu quả sử dụng vốn. Khi lượng vốn tăng lên 1 triệu đồng giúp cho lợi nhuận tăng thêm 1,271 triệu đồng. Thực tế cho thấy, nguồn vốn vay đã hỗ trợ cho phụ nữ trong gia đình trang trải được nhiều việc như mua hạt giống hoặc giống cây trồng, mua con giống, buôn bán nhỏ nhưng nguồn được hỗ trợ còn ít so với quy mô kinh doanh của thành viên, trung bình mỗi thành viên được hỗ trợ vay từ 13 triệu đến 15 triệu.

Tóm tắt lại, với $R^2 = 0.579$, các biến độc lập đã giải thích đúng tình hình thực tế hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay từ HLHPN ở địa phương. Số liệu khảo sát không đủ bằng chứng để kết luận các biến giới tính, tình trạng hộ gia đình, kì hạn vay vốn, hướng dẫn sau khi vay, tỉ lệ phần trăm sử dụng cho sản xuất ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hồi quy đa biến để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay từ HLHPN sau khi vay thông qua lợi nhuận của hộ dùng để sản xuất hoặc kinh doanh. Dựa vào số liệu sơ cấp khảo sát từ 150 hộ gia đình có thành viên được hỗ trợ vay vốn trong HLHPN và sau khi số liệu được phân tích bằng phương pháp mô hình hồi quy đa biến cho thấy, các yếu tố như tuổi, trình độ học vấn, số lượng lao động, nguồn thu nhập, diện tích, mục đích vay vốn, lượng vốn có ảnh hưởng đến sự thay đổi lợi nhuận của hộ gia đình.

Nhằm giúp đỡ các hộ gia đình có thành viên tham gia trong HLHPN sử dụng nguồn vốn được hiệu quả hơn, bài viết đề xuất một số giải pháp sau:

- Cán bộ hỗ trợ cho vay cần tìm hiểu mục đích vay vốn của hộ, khi làm hồ sơ đăng kí cho vay,

cần ghi rõ mục đích vay để làm cam kết. Song song đó, cán bộ trong HLHPN và ngân hàng vận động các hộ nhận thức được trách nhiệm khi sử dụng nguồn vốn đúng mục đích và thường xuyên kiểm tra tình hình sản xuất hoặc kinh doanh của hộ hạn chế sử dụng vốn sai mục đích.

- Ngân hàng cần thực hiện chính sách tăng lượng vốn cho hộ phù hợp với mục đích vay vốn và mô hình phát triển. Vì lượng vốn càng nhiều thì lợi nhuận từ sản xuất của các hộ càng tăng. Để các hộ có điều kiện phát triển kinh tế nâng cao mức thu nhập, ngân hàng không nên giải ngân đồng loạt cùng một số lượng vốn bằng nhau cho tất cả hội viên hoặc giải ngân theo thâm niên vào Hội.

- Cán bộ trong HLHPN cần hướng dẫn và phổ cập kiến thức, cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất hoặc kinh doanh cho các hội viên áp dụng vào thực tế. Do phần lớn người dân là đồng bào dân tộc Khmer và trình độ học vấn còn thấp, đa phần họ chỉ ở cấp tiểu học, một số xã thuộc xã đảo nên quá trình họ tiếp cận thông tin từ cấp trên còn khó khăn. Từ thực tế đi thu thập dữ liệu, nhóm nghiên cứu cũng tiếp nhận ý kiến mong muốn được hỗ trợ từ các thành viên trong Hội, đặc biệt là các địa phương có người dân tộc Khmer sinh sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chí Kiên. *Trà Vinh phấn đấu trở thành địa phương trong điểm phát triển kinh tế biển*. 2021. Truy cập từ: <http://baochinhphu.vn/Hoat-dong-dia-phuong/Tra-Vinh-phan-dau-tro-thanh-dia-phuong-trong-diem-phat-trien-kinh-te-bien/419624.vgp> [Ngày truy cập 13/01/2021].
- [2] An Trường. *Năm 2020 Duyên Hải giảm 704 hộ nghèo*. 2020. Truy cập từ: <https://svhttvdl.travinh.gov.vn/mDefault.aspx?sid=1473&pageid=7113&catid=70418&id=622183&catname=cac-tin-khac&title=nam-2020-duyen-hai-giam-704-ho-ngheo> [Ngày truy cập: 25/12/2020].
- [3] Bùi Văn Trịnh. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn vay: Trường hợp của hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. *Tạp chí Phát triển & hội nhập*. 2014; 19:87–94.
- [4] Nguyễn Thị Xuân Hương. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn tín dụng cho hộ nghèo từ ngân hàng Chính sách xã hội quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*. 2018; 3:39–45.
- [5] Mai Văn Nam, Âu Vi Đức. Hiệu quả sử dụng vốn vay của hộ nông dân nghèo. *Tạp chí Quản lý Kinh tế*. 2009; 26:21–31.

- [6] Nguyễn Thị Mộng Cầm. *Đánh giá hiệu quả của dự án vi tín dụng đến thu nhập của các hộ dân nghèo: Đại học Trà Vinh*; 2020.
- [7] Nguyễn Thị Thanh Thảo. *Đánh giá hiệu quả việc sử dụng nguồn vốn từ quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển tại huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh: Đại học Trà Vinh*; 2016.
- [8] Moahid M, Maharjan KL. Factors affecting farmers' access to formal and informal credit: Evidence from Rural Afghanistan. *Sustainability*. 2020; 12(3):1268.
- [9] Awunyo-Vitor. Women participation in microcredit and its impact on income: A study of small-scale businesses in the central region of Ghana. *Journal of Experimental Agriculture International*. 2012:502–515.
- [10] Ta Nhat Linh. Access to rural credit markets in developing countries, the case of Vietnam: A literature review. *Sustainability*. 2019; 11(5):1–18.
- [11] Tabachnick B. G., Fidell L. S. *Using Multivariate Statistics* (3rd ed.). New York: Harper Collins;1996.